

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm gần 12 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,737.71 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hàng cá nhân & gia dụng giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Dầu khí, Dịch vụ tài chính, Tiện ích... Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm tăng trên 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên hai sàn HSX, HNX và mua ròng trên sàn UPCOM, trong đó bán ròng hơn 3 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Mặc dù lực cầu bắt đáy trong phiên hôm nay giúp VN-Index không giảm xuống dưới mức thoái lui Fibonacci 38.2% của nhịp tăng từ cuối tháng 7 (1,737 điểm), tâm lý thị trường nhìn chung vẫn nghiêng về phía tiêu cực. Nhà đầu tư tiếp tục giao dịch thận trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 vận động theo nhịp giảm của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 02/10/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-11.59** điểm, đóng cửa tại **1737.71** điểm. HNX-Index **-1.91** điểm, đóng cửa tại **266.75** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+6.66)**, **HDB (+0.48)**, **BVH (+0.21)**, **MWG (+0.19)**, **VPL (+0.16)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.56)**, **TCB (-1.09)**, **LPB (-1.08)**, **BID (-1.04)**, **BSR (-0.92)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,474** tỷ đồng, tăng **29.02%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,225 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 20.57 điểm. Thị trường có **90** mã tăng, 50 mã tham chiếu, **216** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-3283.97** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **PNJ (-1264.79 tỷ)**, **HDB (-961.76 tỷ)**, **VIC (-188.12 tỷ)**, **TCB (-146.89 tỷ)**, **VHM (-78.34 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.62** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.98%**. Các mã diễn biến tích cực:
DBC (+2.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDB (+1.61%) [\(Link báo cáo\)](#)
MWG (+0.83%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.36%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+6.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+1.82%) [\(Link báo cáo\)](#)
BVH (+1.74%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.98%	-1.36%	-0.66%	-0.77%
1 tuần	-2.11%	-2.59%	-2.66%	-3.22%
1 tháng	-4.10%	-5.08%	-6.23%	-5.49%
3 tháng	-4.92%	-8.27%	-4.96%	-4.81%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,737.71	266.75	125.93
% 1D	-0.66%	-0.71%	-0.47%
GTKL (tỷ VND)	14,474	580	434
%1D	29.02%	-8.18%	-15.54%
GDNN (tỷ VND)	-3283.97	-13.62	-1.63

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGW	21.89	PNJ	-1264.79
FRT	20.84	HDB	-961.76
VPL	17.20	VIC	-188.12
VPI	15.18	TCB	-146.89
LPB	14.92	VHM	-78.34

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

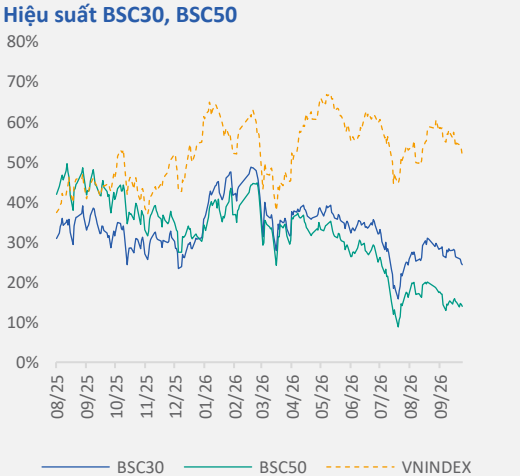
Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	7,666	0.19%	-0.49%
FTSE100	7,903	0.86%	-2.17%
Eurostoxx	25,214	0.93%	-0.72%
Shanghai	3,842	0.31%	-2.78%
Nikkei	68,309	-0.94%	2.93%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	99.11	-3.13%
Giá vàng	4,186	0.20%
Tỷ giá		
USD/VND	25,988	0.05%
EUR/VND	29,238	0.14%
JPY/VND	165	0.38%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.5%	0.00%
LS LNH 1M	5.7%	0.11%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp



Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	224.00	1.82%	6.66	3.22
HDB	28.45	1.61%	0.48	72.47
BVH	75.80	1.74%	0.21	1.07
MWG	73.20	0.83%	0.19	5.43
VPL	78.90	0.51%	0.16	0.63

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	15.00	9.49%	2.46	4.10
KSV	110.10	2.04%	0.40	0.13
PGS	79.90	6.53%	0.15	0.00
KSF	75.90	0.26%	0.10	0.10
DHT	56.00	3.13%	0.09	0.030

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

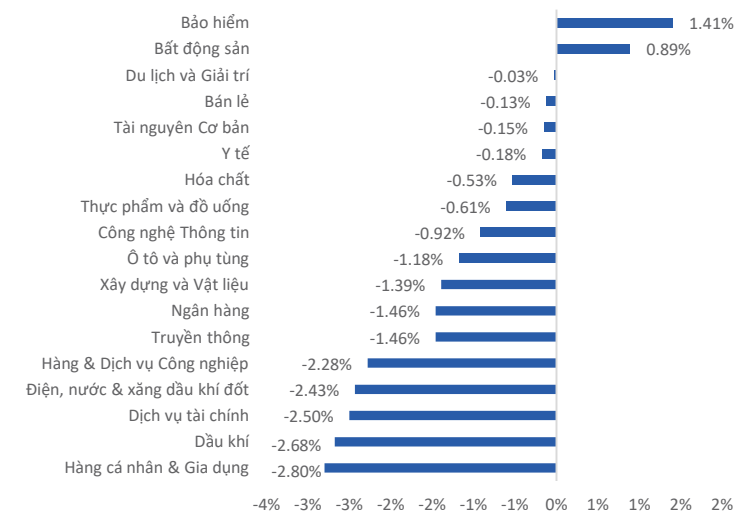
	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
ANV	17.00	6.92%	2.82
PGD	21.20	6.80%	0.00
ST8	2.20	6.80%	0.43
HSL	9.99	5.83%	2.81
HTV	12.00	5.26%	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
BKC	14.50	9.85%	0.09
HMH	18.00	9.76%	0.00
CAR	22.50	9.76%	0.00
CET	4.60	9.52%	0.28
NVB	15.00	9.49%	4.10

Hình 1

Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	78.80	-3.90%	-1.56	1.65
TCB	32.25	-2.27%	-1.09	18.14
LPB	40.20	-4.29%	-1.08	2.807
BID	34.80	-1.83%	-1.04	4.11
BSR	30.45	-2.87%	-0.92	16.23

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	109.00	-7.63%	-1.89	0.01
MBS	15.30	-1.92%	-0.17	1.87
VIF	14.00	-5.41%	-0.16	0.00
SHS	13.00	-2.26%	-0.16	6.20
PVS	33.50	-1.47%	-0.15	2.72

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

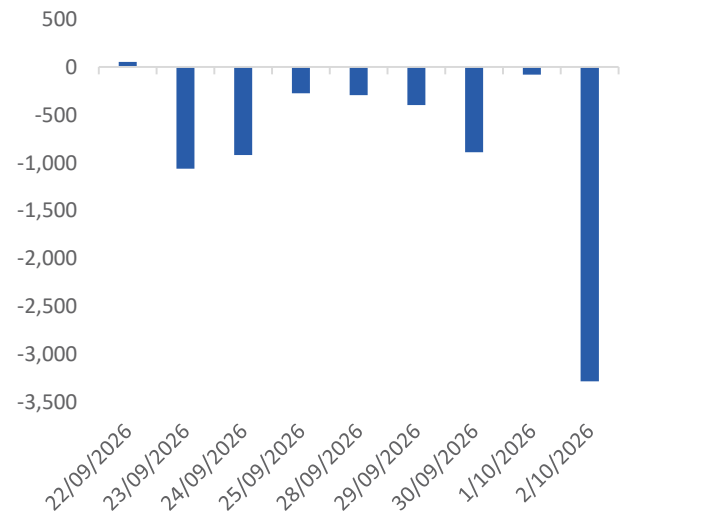
	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
PDV	8.34	-7.44%	0.06
TNC	26.60	-6.99%	0.01
VCA	6.14	-6.97%	0.00
KOS	14.70	-6.96%	0.01
HII	8.85	-6.94%	0.85

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
BNA	1.80	-10.00%	0.39
UNI	8.20	-9.89%	0.00
PJC	33.00	-9.84%	0.00
SHE	5.60	-9.68%	0.00
QST	19.00	-9.52%	0.00

Hình 2

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	73.2	0.8%	1.1	108,021	408.3	6,662	11.0	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	25.2	-0.8%	0.9	23,732	48.4	1,218	20.7	42.4	6.4%	Link
KDH	Bất động sản	15.1	-0.3%	1.0	16,945	47.8	1,567	9.6	39.9	23.6%	Link
PDR	Bất động sản	11.2	-0.4%	1.1	11,175	40.7	619	18.1	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	67.9	-0.7%	1.7	557,787	494.8	9,730	7.0	132.6	6.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	62.1	-1.0%	0.7	117,104	205.9	5,325	11.7	124.4	28.4%	Link
BSR	Dầu khí	30.5	-2.9%	0.0	152,472	504.4	3,974	7.7	-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	33.5	-1.5%	0.8	20,559	91.7	3,432	9.8	52.3	15.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.5	-0.2%	0.9	32,241	77.4	1,325	17.7		34.8%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.7	-2.2%	1.0	59,126	508.0	1,752	11.2		30.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.7	-4.4%	0.9	21,489	186.1	1,334	14.0		16.1%	Link
DCM	Hóa chất	32.8	-2.8%	0.8	17,338	110.9	4,939	6.6	53.3	5.9%	Link
DGC	Hóa chất	35.5	0.3%	1.0	13,482	17.4	5,603	6.3	96.7	3.0%	Link
ACB	Ngân hàng	21.1	0.0%	0.6	122,473	138.5	2,701	7.8	27.1	23.5%	Link
CTG	Ngân hàng	29.8	-1.0%	0.9	231,067	173.6	5,172	5.8	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	28.5	1.6%	0.9	142,400	1940.4	3,828	7.4	32.7	21.9%	Link
MBB	Ngân hàng	19.1	-2.3%	1.0	192,313	235.4	3,239	5.9	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	14.1	-1.1%	0.8	52,603	160.1	1,573	8.9	14.0	7.1%	Link
STB	Ngân hàng	68.4	-2.7%	0.7	128,949	365.9	1,634	41.9		10.7%	Link
TCB	Ngân hàng	32.3	-2.3%	1.0	228,531	589.8	3,829	8.4	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	11.9	-1.7%	1.0	37,963	135.9	2,376	5.0	-	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.1	-0.9%	0.8	477,109	275.4	4,984	11.5	-	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	13.4	-0.4%	0.7	49,867	157.0	1,990	6.7	23.0	3.6%	Link
VPB	Ngân hàng	22.9	-1.7%	1.0	229,000	320.5	2,982	7.7	36.5	22.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.1	0.0%	0.8	169,281	751.0	2,750	7.3	32.2	21.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.0	-0.2%	0.8	8,056	25.9	813	12.3	14.3	3.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.4	2.7%	0.8	6,638	43.2	2,679	5.8	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	70.7	-0.3%	0.9	103,248	707.6	4,630	15.3	100.4	24.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.3	-2.2%	0.5	119,754	231.8	5,246	10.9	78.0	49.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.6	0.88%	0.9	10,185	75.1	3,782	12.1	27.5%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	142.9	-2.52%	0.8	25,553	96.9	6,359	22.5	33.2%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	75.8	1.74%	0.9	56,268	80.9	4,472	17.0	27.0%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	9.3	-3.14%	1.0	7,809	29.9	987	9.4	2.4%	8.1%	Link
DXG	Bất động sản	10.0	-2.06%	0.9	12,668	50.9	157	63.8	15.6%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	10.4	-2.36%	1.0	2,378	25.8	2,389	4.3	1.1%	23.0%	Link
IDC	Bất động sản	33.7	0.30%	0.9	14,068	38.5	5,201	6.5	14.6%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	21.9	0.23%	0.9	10,624	67.3	1,407	15.6	36.1%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	48.6	-1.32%	0.8	11,767	3.1	5,867	8.3	2.3%	27.7%	Link
SZC	Bất động sản	16.8	-2.04%	0.9	3,024	4.1	887	18.9	1.1%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	10.9	-3.54%	1.1	10,936	38.4	312	34.9	10.1%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	224.0	1.82%	1.9	1,738,730	711.6	2,752	81.4	3.1%	13.9%	Link
VRE	Bất động sản	23.6	-2.28%	1.5	53,627	76.9	3,191	7.4	11.0%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	21.1	-0.47%	0.8	4,914	2.0	1,692	12.5	36.3%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	35.8	-2.32%	0.8	46,321	118.7	2,526	14.2	14.3%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	18.0	-1.91%	0.6	16,699	116.5	1,199	15.0	8.1%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.5	-2.12%	1.1	7,047	12.1	1,105	16.7	24.6%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.3	-1.92%	1.1	15,314	29.0	1,828	8.4	0.3%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	78.8	-3.90%	0.8	190,140	132.0	5,269	15.0	2.1%	18.9%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	-1.31%	0.9	6,125	10.6	2,298	6.6	15.7%	13.8%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	-1.55%	0.9	38,962	106.5	2,049	6.2	3.9%	16.2%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	47.4	-1.04%	0.5	29,549	18.0	4,237	11.2	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	129.4	-0.15%	0.7	99,521	218.7	2,830	45.7	6.2%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.9	-3.58%	1.2	29,964	498.3	1,049	21.8	6.6%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77.6	-1.15%	0.8	33,592	105.4	6,023	12.9	39.0%	19.3%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.2	-0.58%	0.6	9,822	33.1	6,635	7.7	5.6%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.5	-1.05%	0.7	12,148	191.5	2,761	8.5	15.7%	16.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.9	-2.44%	0.6	10,478	37.5	2,199	23.6	4.0%	18.3%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.1	-6.87%	1.0	11,795	1801.0	4,780	4.8	46.0%	18.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.3	-0.97%	0.8	1,800	9.4	1,872	8.2	48.0%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.6	1.22%	0.8	2,137	15.6	3,465	4.8	21.4%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	21.9	-2.46%	0.6	14,856	94.5	2,608	8.4	3.4%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	32.8	0.00%	1.1	131,000	95.7	1,751	18.7	0.6%	12.0%	Link
EIB	Ngân hàng	16.5	-0.60%	1.0	30,735	63.2	264	62.5	1.0%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	40.2	-4.29%	0.6	120,089	115.1	3,780	10.6	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	12.5	1.21%	0.5	26,985	33.0	2,251	5.6	1.0%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	10.1	-0.98%	0.7	30,931	8.7	1,454	7.0	19.2%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	9.2	-2.65%	0.9	4,529	16.9	338	27.2	4.3%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.0	6.92%	1.0	4,526	47.8	3,248	5.2	2.6%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.8	-1.28%	0.6	11,237	40.5	256	120.1	4.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.5	-1.96%	0.6	54,445	31.6	3,723	11.4	58.8%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.7	1.60%	0.7	10,619	89.2	6,485	7.8	17.5%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.0	-1.47%	0.5	11,542	13.5	15,674	9.0	82.4%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	57.8	-2.53%	0.9	6,463	22.5	7,046	8.2	46.6%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	71.2	-0.42%	0.8	9,121	11.9	5,110	13.9	5.7%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	25.9	-2.63%	0.9	3,071	8.3	3,530	7.3	18.4%	14.9%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	8.8	-1.34%	0.8	5,073	21.2	1,164	7.6	10.5%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	19.3	-4.70%	0.5	7,917	53.4	2,809	6.9	8.3%	17.9%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	13.3	-2.56%	0.7	9,286	24.4	5,869	2.3	1.9%	35.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.9	-1.46%	0.9	19,660	20.5	3,174	13.8	0.9%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Click
2	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
3	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
4	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
5	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
6	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
8	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
9	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
10	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
11	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
12	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
13	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
14	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
15	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
16	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
17	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
18	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
19	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
20	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
21	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
22	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
23	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>